| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 - HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |
| Số: 669/2026/QĐST-DS | *Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tụng dân sự; Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và 1.3 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm lý số 293/2026/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

## XÉT THẤY

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1**.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2).**

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hồng B** - Chức danh: Trưởng Phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân Miền B - Khối Quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP V1, theo văn bản ủy quyền số 62/2023/UQN-CTQT ngày 02/08/2023 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP V1.

- Địa chỉ làm việc của người đại diện theo ủy quyền: Tầng E tòa nhà V, G D, phường C, Hà Nội.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Xuân P (Theo văn bản uỷ quyền số 02/2024/UQ-KHCN ngày 01/9/2024

*** Bị đơn:** Ông **Lưu Tiến D1**, sinh năm 1980. Giấy CMND/Thẻ Căn cước công

dân/Hộ chiếu: Số 001080025013;

Hộ khẩu thường trú: Số nhà A ngách A ngõ A Y, tổ C, phường Y, thành phố Hà Nội.

*** Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty Cổ phần M;** Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Hoàng Anh T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thọ T1 (Theo văn bản uỷ quyền số 19712/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 07/01/2025

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lưu Văn T2 – sinh năm 1952.
- bà Nguyễn Thị T3 – sinh năm 1952.
- Anh Lưu Minh T4 – sinh năm 1978.
- Chị Trần Thục A – sinh năm 1979.
- Chị Lưu V – sinh năm 2007.
- Cháu Lưu Bá T5 – sinh năm 2012 (anh T4, chị Thục A là đại diện).

Cùng cư trú: số nhà A ngách A ngõ A Y, tổ C phường Y, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T3, anh T4, chị Thục A: Ông Lưu Văn T2.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

* Công ty cổ phần M và ông Lưu Tiến D1 cùng xác nhận:

Tính đến ngày 12/5/2026 ông Lưu Tiến D1 còn nợ Công ty Cổ phần M và V2 tổng số tiền là: 5.701.979.639 đồng *(trong đó, Nợ gốc: 3.958.942.000 đồng, Nợ lãi: 1.743.037.639 đồng)*, trong đó:

- Theo Hợp đồng LN 2308099945442 ký ngày 21/8/2023, ông D1 còn nợ tổng số tiền: 1.036.548.514 đồng. Trong đó: Gốc 758.494.000 đồng, Lãi 278.054.514 đồng (lãi trong hạn 7.434.984 đồng, lãi quá hạn 238.788.606 đồng, lãi chậm trả 31.830.924 đồng).

- Theo Hợp đồng LN 2205185795411 ký ngày 15/6/2022, ông D1 còn nợ tổng số tiền: 4.665.431.125 đồng. Trong đó: Gốc 3.200.448.000 đồng, Lãi 1.464.983.125 đồng (lãi trong hạn 261.135.110 đồng, lãi quá hạn 1.025.688.945 đồng, lãi chậm trả 178.159.070 đồng).

* Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

- Chậm nhất đến ngày 01/7/2026 ông Lưu Tiến D1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/5/2026 là: 5.131.781.675 đồng *(trong đó, Nợ gốc: 3.563.047.800 đồng, N lãi: 1.568.733.875 đồng)*.

- Chậm nhất đến ngày 01/7/2026 ông Lưu Tiến D1 phải thanh toán cho V2 tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/5/2026 là: 570.197.964 đồng *(trong đó, Nợ gốc: 395.894.200 đồng, N lãi: 174.303.764 đồng)*.

Ông Lưu Tiến D1 còn phải trả các khoản nợ lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày Lưu Tiến D1 thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M và V2. Lãi phát sinh phải trả cho J và V2 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ (Jupiter 90%, V2 10%) kể từ ngày 13/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đến thời hạn trả nợ ông Lưu Tiến D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J và V2 thì J và/hoặc V2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho M và/hoặc V2, cụ thể như sau:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 58(1), tờ bản đồ số 11 tại địa chỉ: tổ F, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 638490, số vào sổ cấp GCN : 01582-720/QHM do UBND quận H cấp ngày 16/04/2007, Ngày 10/06/2022, tại văn phòng đăng ký đất đai thành phố H – chi nhánh quận H đăng ký chuyển nhượng cho ông Lưu Tiến D1. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay (địa chỉ thửa đất sau sáp nhập: Số nhà A ngách A ngõ A Y, tổ C, phường Y, thành phố Hà Nội).

Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán cho J và V2 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Jupiter và/hoặc V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Lưu Tiến D1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V2 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

* Về án phí: Ông Lưu Tiến D1 chịu 56.850.990 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi nghìn, chín trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP V1 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0034409 ngày 20/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (nay là Phòng thi hành án khu vực 3 – Hà Nội).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4**. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật  hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV3-HN;
- PhòngTHA DS KV3-HN;
- TATP Hà nội;
-Lưu hồ sơ.
- Lưu VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**